

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ – ST  
Ngày: 30/6/2020  
V/v "Ly hôn".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà Lưu Thùy Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Mạnh Dũng

Ông Nguyễn Quang Liêu

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng:** bà Mai Thị Thanh Tâm - Chức vụ: Kiểm sát Viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý thụ lý số: 71/HNGĐ-ST, ngày 28 tháng 02 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐST - HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Nguyên P, sinh năm 1987 ( có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: số 72, đường Nguyễn Văn B, T.ph M, tỉnh Đ.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Trọng H, sinh năm 1982 ( vắng mặt)

Địa chỉ: thôn 5, xã K, huyện F, tỉnh P.

**TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2020 quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nguyên P trình bày:* Chị P và anh Lê Trọng H tự nguyện chung sống và kết hôn năm 2010, tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Đ; trong cuộc sống không có hạnh phúc do vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H đã nhiều lần đánh đập chị P, có lời lẽ xúc phạm chị P và cha mẹ chị P; chị P đã nhiều lần khuyên anh H, cho

anh nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng không có kết quả gì; không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng nên chị P đã sống ly thân với anh H liên tục từ cuối năm 2018 đến nay; hiện nay chị P thấy tình cảm vợ chồng không còn; yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống có 02 con chung, là các cháu Lê Nguyễn Thùy T, sinh ngày 04/8/2010, Lê Nguyễn Tường V, sinh ngày 13/3/2014 chị P có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung cho đến khi các cháu thành niên; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: Không có.

Nguyên đơn nộp: giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ( bản gốc) và hai giấy khai sinh của hai con chung ( bản sao ); ngoài ra không giao nộp gì thêm.

*Bị đơn anh Lê Trọng H:* Đã nhận giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án hợp lệ nhưng không đến Tòa án để làm Vệc, không cung cấp lời khai, không giao nộp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn năm 2010, tại Ủy ban nhân dân xã xã C, huyện G, tỉnh Đ; phù hợp với bản gốc giấy chứng nhận kết hôn đã được chị P giao nộp hợp pháp tại Tòa án. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Nguyên P và anh Lê Trọng H là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Theo lời khai của chị P cho rằng giữa chị P và anh H trong thời gian chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh H có hành vi đánh đập chị P, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, anh H có lời lẽ xúc phạm chị P và cha mẹ chị P; nguyên nhân do lối sống không hợp, anh H luôn áp đặt theo ý muốn của anh H, chị P góp ý là anh H sử dụng ngay bạo lực với chị P; không thể tiếp tục cuộc sống nên chị P đã sống ly thân với anh H liên tục từ cuối năm 2018 đến nay; hiện nay chị P thấy tình cảm vợ chồng không còn; yêu cầu được ly hôn với anh H. Phía anh

H đã nhận thông báo thụ lý vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm Việc nhưng anh H không hợp tác, không đến Tòa án làm Việc, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Căn cứ vào biên bản xác minh, lời khai người làm chứng, xác định được giữa chị P và anh H có xảy ra mâu thuẫn, anh H có hành vi đánh đập chị P, vợ chồng sống ly thân kéo dài. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị P và anh H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P.

[2] Về con chung: Căn cứ vào giấy khai sinh do chị P giao nộp, xác định được anh H và chị P có 02 con chung, là các cháu Lê Nguyễn Thùy T, sinh ngày 04/8/2010, Lê Nguyễn Tường V, sinh ngày 13/3/2014. Qua lời khai chị P có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; phía anh H không cung cấp lời khai thể hiện ý chí, nguyện vọng của mình, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Hội đồng xét xử thấy: Nguyện vọng của cháu T mong muốn được chung sống với mẹ; hiện nay cả hai con chung đều đang chung sống cùng chị P, xét thấy cả hai cháu đều là con gái, để các cháu tiếp tục ổn định cuộc sống, sinh hoạt, Việc học tập và có điều kiện phát triển tốt về tâm sinh lý giới tính cần giao các cháu cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chị P hiện không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét.

[3] Về tài sản chung: theo chị P không có.

[4] Về nợ chung: theo chị P không có.

P phía anh H không hợp tác làm Việc, không đưa ra ý kiến, yêu cầu gì nên không xem xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 131 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn chị P phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Quan điểm, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng là có căn cứ chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chị Nguyễn Thị Nguyên P được ly hôn với anh Lê Trọng H.

[2] Về con chung: Giao các cháu Lê Nguyễn Thùy T, sinh ngày 04/8/2010, cháu Lê Nguyễn Tường V, sinh ngày 13/3/2014 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng Việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết.

[4] Về nợ chung: không đặt ra để giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nguyên P phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0010130, ngày 28/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- UBND xã ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Thùy Linh**

